

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
KHOA SƯ PHẠM
BỘ MÔN SƯ PHẠM ĐỊA LÝ**



**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
& CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**

CỬ NHÂN SƯ PHẠM ĐỊA LÝ

Cần Thơ, 2019

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH SƯ PHẠM ĐỊA LÝ

I. Mô tả chương trình đào tạo

Căn cứ Quyết định số 3019/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lý được mô tả như sau:

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Sư phạm Địa lý
Tên chương trình (tiếng Anh)	Geography Teacher Education
Mã số ngành đào tạo	7140219
Trường cấp bằng	Trường Đại học Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Cử nhân Sư phạm Địa lý
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	141 tín chỉ
Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	4 năm
Đối tượng tuyển sinh	Học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
Thang điểm đánh giá	Thang điểm 4
Điều kiện tốt nghiệp	Tích lũy đủ các học phần và số tín chỉ là 141; hoàn thành các học phần điều kiện (nếu có); điểm trung bình chung các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh phải đạt từ 5.0 trở lên theo thang điểm 10; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
Vị trí việc làm	- Giảng dạy tại các trường trung học, có cơ hội học tiếp để giảng dạy tại các trường trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề, các trường cao đẳng và đại học; - Nghiên cứu viên tại các trung tâm, các viện nghiên cứu khoa học và giáo dục. - Chuyên viên và cán bộ quản lý ở các trường học, các phòng giáo dục, các sở giáo dục và các cơ sở sản xuất, kinh doanh.
Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	- Sau khi tốt nghiệp có thể học tiếp Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ hoặc tiến sĩ thuộc nhóm ngành Sư phạm Địa lý (Địa lý tự nhiên, Địa lý học, Lí luận và phương pháp dạy học Địa lý) và các nhóm ngành gần như Khoa học Trái Đất, Sinh thái học môi trường. - Tìm các học bổng để tiếp tục học tập và làm việc tại các

	nước thuộc ASEAN, Úc, Nhật... - Có thể thực hiện được các đề tài nghiên cứu khoa học cấp sơ sở và tham gia đề tài nghiên cứu khoa học ở các cấp cao hơn trong lĩnh vực giảng dạy và giáo dục.
Các chương trình, tài liệu, chuẩn chương trình tham khảo khi xây dựng	- Luật Giáo dục Đại học (Luật số: 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018); Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ban hành chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông; Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể và chương trình các môn học của Bộ Giáo dục và đào tạo năm 2018; - Chương trình đào tạo các ngành sư phạm Địa lý của Trường ĐHSP Hà Nội, ĐHSP TPHCM và Trường ĐHSP - Đại học Thái Nguyên; - Các chương trình đào tạo của Đại học Sydney (Úc), Viện Giáo dục Quốc tế (Singapore), và các Trường Sư phạm của Hàn Quốc; - Chuẩn đầu ra trình độ đại học khối ngành Sư phạm Đào tạo giáo viên Trung học phổ thông- Dự án Phát triển giáo viên Trung học Phổ thông- Trung cấp chuyên nghiệp (Bộ Giáo dục Đào tạo và ADB-2012);
Thời gian cập nhật bản mô tả	Tháng 12 năm 2019

2. Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lý đào tạo sinh viên trở thành giáo viên có năng lực chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên hiện hành để giảng dạy môn Địa lý trong các trường phổ thông; có khả năng làm công tác tư vấn, nghiên cứu, quản lý ở các trường học, cơ sở đào tạo, các cơ sở quản lý giáo dục; có khả năng tự học và tham gia các chương trình đào tạo sau đại học trong và ngoài nước.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể của Chương trình là:

- Trang bị cho sinh viên trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng an ninh, năng lực ngoại ngữ, công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành;
- Rèn luyện cho sinh viên năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, tác phong sư phạm, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, khả năng thích ứng với môi trường đa văn hóa và bối cảnh toàn cầu hóa;
- Hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên đáp ứng Chuẩn nghề nghiệp giáo viên hiện hành và các ngành nghề phù hợp với chuyên môn;
- Hình thành và phát triển năng lực chuyên môn cho sinh viên đáp ứng các yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông, nghiên cứu và học tập chuyên ngành ở các bậc học cao hơn.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Hoàn thành Chương trình sinh viên có khả năng:

3.1. Kiến thức

3.1.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

- a. Trình bày được các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học xã hội và pháp luật; kiến thức về giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng - an ninh; các chủ trương, đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và nhà nước.
- b. Diễn giải được về cách thức sử dụng tiếng Việt chuẩn mực, hiệu quả trong giao tiếp hằng ngày và trong hoạt động chuyên môn; kiến thức công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng quy định của trình độ đào tạo.
- c. Đạt được trình độ tiếng Anh hoặc tiếng Pháp bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

3.1.2. Khối kiến thức cơ sở ngành

- a. Giải thích được các kiến thức về khoa học giáo dục, tâm lý học lứa tuổi, tâm lý học sư phạm; công tác dạy học trong nhà trường trung học phổ thông; các xu hướng dạy học hiện đại trong dạy học môn học và các nguyên tắc trong thiết kế chương trình môn học trong trường phổ thông.
- b. Trình bày được các nguyên lý dạy học, các phương pháp, kỹ thuật giảng dạy, các phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp nghiên cứu Giáo dục - Địa lý theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh trong giảng dạy và nghiên cứu Địa lý.
- c. Xác định được vai trò, nhiệm vụ và tầm quan trọng của công tác chủ nhiệm lớp; vai trò của nhà trường, gia đình, xã hội trong việc giáo dục học sinh.

3.1.3. Khối kiến thức chuyên ngành

- a. Vận dụng được các kiến thức chuyên ngành để giảng dạy, nghiên cứu ở bậc phổ thông và các bậc học cao hơn.
- b. Sử dụng được các công cụ ngoại ngữ, tin học, thiết bị, phương tiện dạy học,... để hỗ trợ giảng dạy, nghiên cứu chuyên ngành ở bậc phổ thông và học tập ở các bậc học cao hơn.
- c. Vận dụng được các kiến thức địa lý để giải thích được các hiện tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội đang diễn ra trong thực tế.

3.2. Kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng cứng

- a. Phát triển các kỹ năng chuyên môn Địa lý như: sử dụng bản đồ, biểu đồ, số liệu thống kê và các phương tiện trực quan khác; nghiên cứu và học tập thực địa, khám phá địa lí; sử dụng các phần mềm dạy và học Địa lí.
- b. Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; chủ động điều chỉnh kế hoạch dạy học và giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương.
- c. Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; chủ động cập nhật, vận dụng linh hoạt và hiệu quả các phương pháp dạy học và giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới, phù hợp với điều kiện thực tế.
- d. Vận dụng các phương pháp kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; chủ động cập nhật, vận dụng sáng tạo các hình thức, phương pháp, công cụ

kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

e. Tư vấn và hỗ trợ học sinh trong hoạt động học tập và rèn luyện.

3.2.2. Kỹ năng mềm

- a. Sử dụng tiếng Việt thành thạo và chuẩn mực trong giao tiếp, học tập và nghiên cứu; đọc hiểu được các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp; ứng dụng công nghệ trong hoạt động giáo dục và dạy học.
- b. Phát triển năng lực phân tích, tổng hợp, đánh giá; tư duy phản biện và sáng tạo; khả năng làm việc độc lập và hợp tác; khả năng học tập suốt đời.
- c. Xây dựng được mối quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục học sinh.
- d. Xây dựng được môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh và dân chủ.

3.3. Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân

- a. Tuân thủ kỷ luật, sống và làm việc theo pháp luật.
- b. Thực hiện các quy định về đạo đức nhà giáo; tôn trọng nội quy, quy chế làm việc của ngành giáo dục.
- c. Thể hiện tác phong và cách thức làm việc phù hợp với nghề nghiệp.

4. Tiêu chí tuyển sinh

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Cần Thơ.

5. Ma trận mối quan hệ mục tiêu, chuẩn đầu ra và học phần

5.1. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo	Chuẩn đầu ra (2)																				
	Kiến thức (2.1)									Kỹ năng (2.2)								Thái độ (2.3)			
	Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)			Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)			Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)			Kỹ năng cứng (2.2.1)					Kỹ năng mềm (2.2.2)			Tinh thần công dân (a)	Đạo đức nghề nghiệp (b)	Đạo đức cá nhân (c)	
	a	b	c	a	b	c	a	b	c	a	b	c	d	e	a	b	c				d
2.2.a	x	x	x												x				x		x
2.2.b				x	x	x										x				x	
2.2.c				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x		x	
2.2.d							x	x	x	x	x	x	x	x						x	x

5.2. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra

Học phần			Chuẩn đầu ra (3)																			
			Kiến thức (3.1)									Kỹ năng (3.2)							Thái độ (3.3)			
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)			Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)			Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)			Kỹ năng cứng (3.2.1)				Kỹ năng mềm (3.2.2)			Tinh thần công dân	Đạo đức nghề nghiệp	Đạo đức cá nhân	
			a	b	c	a	b	c	a	b	c	a	b	c	d	e	a	b	c	d	a	b
Khối kiến thức giáo dục đại cương																						
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	1														1			1		
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	1														1			1		
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2														1			1		
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	3														1			1		
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1																			
			2														1			1		
			3																			
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)			1												1			1		

7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)			1											1				1		
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)			2											2				1		
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)			1											1				1		
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)			1											1				1		
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)			2											2				1		
12	XH004	Pháp văn căn bản 1 (*)			1											1				1		
13	XH005	Pháp văn căn bản 2 (*)			1											1				1		
14	XH006	Pháp văn căn bản 3 (*)			2											2				1		
15	FL004	Pháp văn tăng cường 1 (*)			1											1				1		
16	FL005	Pháp văn tăng cường 2 (*)			1											1				1		
17	FL006	Pháp văn tăng cường 3 (*)			2											2				1		
18	TN033	Tin học căn bản (*)		1												1					1	
19	TN034	TT Tin học căn bản (*)		1												2					1	
20	ML014	Triết học Mác-Lênin	1														1				1	
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	1														1				1	
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2														1				1	
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2														1				1	
24	ML006	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3														1				1	
25	KL001	Pháp luật đại cương	1																	1		
26	ML007	Logic học đại cương	1														1				1	
27	XH028	Xã hội học đại cương	1														1				1	
28	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	1														1				1	
29	XH012	Tiếng Việt thực hành	1														1				1	
30	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	1														1				1	
31	KN001	Kỹ năng mềm	1														2	2			1	1
32	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	1															1			1	
33	SP009	Tâm lý học đại cương			1											1		1			1	
34	SG011	Quản lý HCNN và quản lý ngành GD&ĐT	1														1				1	
Khối kiến thức cơ sở ngành																						
35	SP010	Tâm lý học sư phạm			2												2		1			
36	SP079	Giáo dục học			1		1							1	1		1		1	1	1	

37	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững				2		2						1	1		1		1	1	1	
38	SG394	Giáo dục hòa nhập ở trường THPT				1								1				1		1		
39	SG131	Hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông				1								1				1		1		
40	SG439	Phương pháp nghiên cứu khoa học Giáo dục					2	2									3				1	
41	SG420	Lý luận dạy học Ngữ văn và Khoa học xã hội				2	2					3	3				3	3			1	
42	SG111	Phương pháp dạy học địa lý				1								1					1			
43	SG429	Phát triển chương trình Ngữ văn và Khoa học xã hội					3										3				1	
44	SG423	Đánh giá kết quả học tập Ngữ văn và Khoa học xã hội				2	2					3		3						1	1	
45	SG308	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học địa lý								2		2	2							1	1	
46	SG309	Tập giảng địa lý							2	2	2	2	3	3	2		2	2			1	1
47	SG312	Kỹ thuật dạy học địa lý				2			2	2			3	3							1	1
48	SG433	Toán ứng dụng cho địa lý							2		3						2			1		
49	XH137	Dân số và phát triển							1	1	2	3		2	2			2		1	1	1
50	SG315	Di cư an toàn							1	1	2	3		2	2			2		1	1	1
51	SG597	Kiến tập sư phạm					2	2					2			2	2	1	2	1		2
52	SG598	Thực tập sư phạm					3	3						3	3	2	3	3	3	2		3
Khối kiến thức chuyên ngành																						
53	SP220	Anh văn chuyên môn Địa lý							3	2	1	2					2	3			1	1
54	XH018	Pháp văn chuyên môn - KHXH							3	2	1	2					2	3			1	1
55	SG316	Trắc địa cơ bản							1	2		2		2	2			2		2	1	1
56	SG130	Bản đồ học							3	3		2								1	1	
57	SP015	Địa chất đại cương							2	2	1	1	2	2	2					2	1	1
58	SG317	Khoa học Trái Đất							2	2		2		2				1		1	1	
59	SG318	Thạch quyển							2	2	3	1	2	3	3					2	1	1
60	SG319	Khí quyển							2	2		1		1				1		1	1	
61	SG320	Thủy quyển							2	2		1		1				2		1	1	
62	SG321	Thổ nhưỡng quyển							2	2	2	2		2				2			1	
63	SG322	Sinh quyển							2	2	2	2		2				2			1	
64	SP477	Địa lý tự nhiên Việt Nam							3	3		2		2				2		2		1
65	SG323	Địa lý tự nhiên các châu 1							2	2	2	1					3	2			1	1

66	SG324	Địa lý tự nhiên các châu 2							2	2	2	1					3	2			1	1	1
67	SG325	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương							2	2	3	2	3	2			1	1		1	1	1	1
68	SP480	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam							3	3	3	3	3	3					3	1	1	1	1
69	SP481	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 1							3	2	2	3	2	2	1		2	1		2	1	1	1
70	SP482	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 2							3	2	2	3	2	2	1		2	1		2	1	1	1
71	SG326	Thực tế ngoài trường địa lý							2		3	3		3	3						2		2
72	SG327	Hệ thống tin địa lý - GIS							1	2	3	1	2	3				2			1		
73	SP473	Địa lý du lịch							1	2	3	2	2					2		2	1	1	1
74	SG329	Dân cư và môi trường ĐBSCL							1	2	2							2		2	1	1	
75	SG457	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Địa lý									2		2	3	3		2	2	2		1	1	1
76	SP493	Luận văn tốt nghiệp địa lý							3	3	3	3	3	3				2		2	1	1	1
77	SP492	Tiểu luận tốt nghiệp địa lý							3	3	3	3	3	3				2		2	1	1	1
78	SP016	Địa danh Việt Nam							1	2	2	2	2	2	2			3		2	1	1	1
79	SG331	Di sản thế giới							1	2	2	1	2					2		3	1	1	1
81	SG332	Địa lý Đông Nam Á							2	2	1						2	2			1	1	
82	SG359	Địa lý cảnh quan							2	1	2	1					2	2			1	1	1
83	SG356	Sử dụng số liệu thống kê trong dạy học địa lý							2		3			2	2			2				1	

Ghi chú: 1, 2, 3 là mức độ đóng góp của mỗi học phần trong chương trình đào tạo.

Mức độ đóng góp:

- 1. Giới thiệu - làm quen: Người học biết và trình bày được kiến thức một cách sơ lược; thực hiện được kỹ năng ở mức độ lặp lại được thao tác.*
- 2. Vận dụng/Tăng cường: Người học hiểu và vận dụng được kiến thức; thực hiện được các kỹ năng ở mức độ thao tác.*
- 3. Thông thạo: Người học vận dụng kiến thức và kỹ năng ở mức độ thông thạo.*

II. Mô tả chương trình dạy học

Căn cứ Quyết định số 3019/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lý được mô tả như sau:

1. Cấu trúc chương trình dạy học

Khối lượng kiến thức toàn khóa	: 141 tín chỉ
Khối kiến thức giáo dục đại cương	: 43 tín chỉ (Bắt buộc: 28 tín chỉ; Tự chọn: 15 tín chỉ)
Khối kiến thức cơ sở ngành	: 36 tín chỉ (Bắt buộc: 32 tín chỉ; Tự chọn: 4 tín chỉ)
Khối kiến thức chuyên ngành	: 62 tín chỉ (Bắt buộc: 48 tín chỉ; Tự chọn: 14 tín chỉ)

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
Khối kiến thức Giáo dục đại cương										
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		30		Bố trí theo nhóm ngành		
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		30		Bố trí theo nhóm ngành		
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	3		20	65	Bố trí theo nhóm ngành		
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	1		10	10	Bố trí theo nhóm ngành		
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90			I,II,III
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		10TC nhóm AV hoặc nhóm PV	60				I,II,III
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023		I,II,III
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024		I,II,III
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025		I,II,III
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031		I,II,III
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032		I,II,III
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			60				I,II,III
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		FL001		I,II,III
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45		FL002		I,II,III
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4			60		FL003		I,II,III
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45		FL007		I,II,III
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3			45		FL008		I,II,III
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15				I,II,III
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		TN033	I,II,III
20	ML014	Triết học Mác-Lênin	3	3		45				I,II,III
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2		30		ML014		
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		I,II,III
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		I,II,III
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		I,II,III
25	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30				I,II,III
26	ML007	Logic học đại cương	2		2	30				I,II,III
27	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				I,II,III
28	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30				I,II,III
29	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30				I,II,III
30	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30				I,II,III
31	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20			I,II,III
32	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20			I,II,III
33	SP009	Tâm lý học đại cương	2	2		30				I,II,III
34	SG011	Quản lý HCNN và quản lý ngành GD&ĐT	2	2		30				
Cộng: 43 TC (Bắt buộc 28 TC; Tự chọn: 15 TC)										
Khối kiến thức cơ sở ngành										
35	SP010	Tâm lý học sư phạm	2	2		20	20	SP009		I,II
36	SP079	Giáo dục học	3	3		45		SP010		I,II
37	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững	2		2	30		SP079		I,II

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
38	SG394	Giáo dục hòa nhập	2			30				I,II
39	SG131	Hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông	2	2		15	30	SP079		
40	SG439	Phương pháp nghiên cứu khoa học Giáo dục	2	2		15	30			I,II
41	SG420	Lý luận dạy học Ngữ văn và khoa học xã hội	2	2		30		SP079		I,II
42	SG111	Phương pháp dạy học Địa lý	2	2		15	30	SP079		I,II
43	SG429	Phát triển chương trình giáo dục Ngữ văn và khoa học xã hội	2	2		30		SP010		I,II
44	SG423	Đánh giá kết quả học tập Ngữ văn và khoa học xã hội	2	2		15	30	SP079		I,II
45	SG308	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Địa lý	2	2		15	30			I,II
46	SG309	Tập giảng Địa lý	2	2			60	SP480,		I,II
47	SG312	Kỹ thuật dạy học Địa lý	3	3		15	60	SG420		I,II
48	SG313	Toán ứng dụng cho Địa lý	3	3		15	60			I,II
49	XH137	Dân số và phát triển	2		2	30				I,II,III
50	SG315	Di cư an toàn	2			30				I,II,III
51	SP597	Kiến tập sư phạm	2	2			60	SP079		I
52	SP598	Thực tập Sư phạm	3	3			90	SG309, SG597		II
Cộng: 36 TC (Bắt buộc 32 TC; Tự chọn: 4 TC)										
Khối kiến thức chuyên ngành										
53	SP220	Anh văn chuyên môn Địa lý	2		2	30		XH025		I,II
54	XH018	Pháp văn chuyên môn - KHXH	2			30		XH006		I,II
55	SG316	Trắc địa cơ bản	2	2		15	30			I,II
56	SG130	Bản đồ học	3	3		15	60			
57	SP015	Địa chất đại cương	2	2		15	30			I,II
58	SG317	Khoa học Trái Đất	2	2		30				I,II
59	SG318	Thạch quyển	2	2		30				I,II
60	SG319	Khí quyển	2	2		30				I,II
61	SG320	Thủy quyển	2	2		30				I,II
62	SG321	Thổ nhưỡng quyển	2	2		30				I,II
63	SG322	Sinh quyển	2	2		30				I,II
64	SP477	Địa lý tự nhiên Việt Nam	3	3		45		SG317		I,II
65	SG323	Địa lý tự nhiên các châu 1	2	2		30		SG317		I,II
66	SG324	Địa lý tự nhiên các châu 2	2	2		30		SG317	SG323	I,II
67	SG325	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương	4	4		60				I,II
68	SP480	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam	4	4		60				I,II
69	SP481	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 1	3	3		45				I,II
70	SP482	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 2	3	3		45			SP481	I,II
71	SG326	Thực tế ngoài trường địa lý	3	3			90			I,II
72	SG327	Hệ thống tin địa lý - GIS	3	3		15	60	SG130		I,II
73	SP473	Địa lý du lịch	2	2		15	30			I,II
74	SG329	Dân cư và môi trường Đồng bằng sông Cửu Long	2		2	30				I,II
75	SG457	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Địa lý	2			15	30			I,II
76	SP493	Luận văn tốt nghiệp - Địa lý	10		10		300	≥ 105 TC		I,II
77	SP492	Tiểu luận tốt nghiệp - Địa lý	4				120	≥ 105 TC		I,II
78	SP016	Địa danh Việt Nam	2			15	30			I,II,III
79	SG331	Di sản thế giới	2			30				I,II,III
80	SG332	Địa lý Đông Nam Á	2			30				I,II,III
81	SP017	Địa lý chính trị	2			30				I,II,III
82	SG359	Địa lý cảnh quan	2			30				I,II,III
83	SG356	Sử dụng số liệu thống kê trong dạy học địa lý	2			15	30			I,II,III
Cộng: 62 TC (Bắt buộc: 48 TC; Tự chọn: 14 TC)										
Tổng cộng: 141 TC (Bắt buộc: 108 TC; Tự chọn: 33 TC)										

3. Kế hoạch dạy học

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
Học kỳ 1									
1	QP006	GD quốc phòng & an ninh 6 (*)	2	2		30			Bố trí theo nhóm ngành
2	QP007	GD quốc phòng & an ninh 7 (*)	2	2		30			Bố trí theo nhóm ngành
3	QP008	GD quốc phòng & an ninh 8 (*)	3	3		20	65		Bố trí theo nhóm ngành
4	QP009	GD quốc phòng & an ninh 9 (*)	1	1		10	10		Bố trí theo nhóm ngành
5	SP009	Tâm lý học đại cương	2	2		30			
6	SG130	Bản đồ học	3	3		15	60		
		Cộng	13	13					
Học kỳ 2									
7	ML014	Triết học Mác-Lênin	3	3		45			
8	TC100	Giáo dục thể chất 1 (*)	1		1		30		<i>SV chọn</i>
9	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		4	60			<i>SV tự chọn</i>
	XH004	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			45			
10	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15			
11	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		
12	SP010	Tâm lý học sư phạm	2	2		20	20	SP009	
13	SP015	Địa chất đại cương	2	2		15	30		
14	SG317	Khoa học Trái Đất	2	2		30			
15	SG316	Trắc địa cơ bản	2	2		15	30		
		Cộng	19	14	5				
Học kỳ 3									
16	ML016	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2		30		ML014	
17	TC100	Giáo dục thể chất 2 (*)	1		1		30		<i>SV chọn</i>
18	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3		3	45		XH023	<i>SV tự chọn</i>
	XH005	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		XH004	
19	SP079	Giáo dục học	3	3		45		SP010	
20	SG318	Thạch quyền	2	2		30			
21	SG319	Khí quyền	2	2		30			
22	SG320	Thủy quyền	2	2		30			
23	SG321	Thổ nhưỡng quyền	2	2		30			
24	SG322	Sinh quyền	2	2		30			
		Cộng	19	15	4				
Học kỳ 4									
25	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016	
26	TC100	Giáo dục thể chất 3 (*)	1		1		30		<i>SV chọn</i>
27	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3		3	45		XH024	<i>SV tự chọn</i>
	XH006	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			60		XH005	
28	SG131	Hoạt động GD trong nhà trường PT	2	2		15	30	SP079	
29	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30			
30	SG323	Địa lý tự nhiên các châu 1	2	2		30		SG317	
31	SG324	Địa lý tự nhiên các châu 2	2	2		30		SG317	
32	SG420	Lý luận dạy học Ngữ văn và khoa học xã hội	2	2		30		SP079	
33	SG325	Địa lý KT-XH đại cương	4	4		60			

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
		Cộng	20	16	4				
Học kỳ 5									
34	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML006	
35	SG186	Kiến tập sư phạm	2	2			60	SP079	
36	ML007	Logic học đại cương	2		2	30			
	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			
	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			
	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30			
	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			
	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20		
	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20		
37	SG423	Đánh giá kết quả học tập Ngữ văn và khoa học xã hội	2	2		15	30	SP079	
38	SG111	Phương pháp dạy học địa lý	2	2		15	30	SG110	
39	SP477	Địa lý tự nhiên Việt Nam	3	3		45		SG317	
40	SP480	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam	4	4		60			
41	SG327	Hệ thống tin địa lý - GIS	3	3		15	60	SG130	
		Cộng	20	18	2				
Học kỳ 6									
42	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019	
43	SG429	Phát triển chương trình giáo dục Ngữ văn và khoa học xã hội	2	2		30			
44	SG312	Kỹ thuật dạy học địa lý	3	3		15	60	SG110	
45	SG326	Thực tế ngoài trường địa lý	3	3			90	SP480	
46	SG308	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Địa lý	2	2		15	30		
47	SP481	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 1	3	3		45			
48	SP482	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 2	3	3		45			
49	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững	2		2	30		SP079	
	SG394	Giáo dục hòa nhập	2			30			
		Cộng	20	18	2				
Học kỳ 7									
50	SG011	Quản lý HCNN và quản lý ngành GD&ĐT	2	2		30			
51	SG309	Tập giảng Địa lý	2	2			60		
52	SG439	Phương pháp nghiên cứu khoa học Giáo dục	2	2		15	30		
53	SG313	Toán ứng dụng cho Địa lý	3	3		15	60		
54	SP220	Anh văn chuyên môn Địa lý	2		2	30		XH025	SV tự chọn
55	XH019	Pháp văn chuyên môn KH&CN	2			30		XH006	
56	SP473	Địa lý du lịch	2	2		15	30		
57	XH137	Dân số và phát triển	2		2	30			
	SG315	Di cư an toàn	2			30			
58	SG329	Dân cư và môi trường Đồng bằng sông Cửu Long	2		2	30			
	SG457	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Địa lý	2			15	30		
		Cộng	17	11	6				

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
Học kỳ 8									
59	SP598	Thực tập Sư phạm	3	3			90	SG309, G597	
60	SP493	Luận văn tốt nghiệp - Địa lý	10		≥ 10		300	≥ 105 TC	<i>SV tự chọn làm LVTN, TLTN hoặc HP thay thế</i>
	SP492	Tiểu luận tốt nghiệp - Địa lý	4				120	≥ 105 TC	
	SP016	Địa danh Việt Nam	2			15	30		
	SG331	Di sản thế giới	2			30			
	SG332	Địa lý Đông Nam Á	2			30			
	SP017	Địa lý chính trị	2			30			
	SG359	Địa lý cảnh quan	2			30			
	SG356	Sử dụng số liệu thống kê trong dạy học địa lý	2			15	30		
		Cộng	13	3	10				
		Tổng	141	108	33				

4. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	Đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Dành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	Được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng ngắn, những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, Phòng chống địch tiến công bằng VKCNC, rèn luyện bản lĩnh, sức khỏe qua các nội dung quân sự, luyện tập đội hình lớp, khối. Nội dung gồm: đội ngũ đơn vị (Cấp trung đội). Rèn luyện kỹ năng chiến đấu, chỉ huy chiến đấu, hiệp đồng chiến đấu trong tiến công, phòng ngự.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
4	QP0009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	Giới thiệu lịch sử, truyền thống quân, binh chủng, tổ chức lực lượng các quân, binh chủng, tham quan tìm hiểu các lịch sử, các đơn vị trong lực lượng vũ trang	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	3	Học phần Giáo dục Thể chất không chuyên 1+2+3 là học phần chung tượng trưng cho các học phần Giáo dục Thể chất sinh viên không chuyên ngành Giáo dục Thể chất phải học để hoàn thành chương trình đào tạo của ngành mình. Để hoàn thành học phần Giáo dục thể chất sinh viên không đăng kí học phần TC100 mà thay vào đó sinh viên phải đăng kí vào từng học phần cụ thể tùy theo khả năng và nhu cầu muốn học như: Học phần Taekwondo thì sinh viên đăng kí 03 học phần: Taekwondo 1(TC003), Taekwondo 2(TC004), Taekwondo 3,(TC019), các học phần Giáo dục Thể chất khác cũng tương tự...	Bộ môn Giáo dục Thể chất
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	Chương trình môn Tiếng Anh căn bản 1 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về những thông tin cá nhân, gia đình, nơi ở, những vật dụng trong đời sống hàng ngày, các môn thể thao, các hoạt động trong thời gian rảnh và mua sắm cơ bản. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3	Chương trình môn Tiếng Anh căn bản 2 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về miền quê, thành phố các em yêu thích, ẩm thực, du lịch, thời trang, tiền bạc. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3	Chương trình môn Tiếng Anh căn bản 3 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về các thể loại phim ảnh, khoa học công nghệ, du lịch và môi trường tự nhiên. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
9	XH031	Anh văn tăng	4	Học phần Tiếng Anh tăng cường 1 (trong chương trình	Khoa

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
		cường 1 (*)		Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	Ngoại ngữ
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3	Học phần Tiếng Anh tăng cường 2 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	Khoa Ngoại ngữ
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3	Học phần Tiếng Anh tăng cường 3 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4	Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày, như giới thiệu bản thân, gia đình, nói về thói quen, sở thích, làm quen và giới thiệu một người nào đó, nói và viết về giờ theo cách thông dụng và hành chính v.v... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học. Qua học phần này, sinh viên sẽ được làm quen với cách phát âm, ngữ điệu, bản mẫu tự của tiếng Pháp, biết cách chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thời hiện tại, viết một số câu đơn giản	Khoa Ngoại ngữ
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3	Học phần tiếp tục trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Ngữ pháp, Ngữ âm, Từ vựng... của tiếng Pháp. Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như hỏi thông tin, giải thích, nhận lời mời hay từ chối, nói về ngày làm việc của mình, nói về kế hoạch tương lai... Sinh viên được làm quen với cách hỏi, đặt câu hỏi với các đại từ phức tạp hơn của tiếng Pháp, biết chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thức mệnh lệnh, biết chỉ đường, định vị trong không gian.v.v.. Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.	Khoa Ngoại ngữ
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3	Nội dung học phần tiếp tục hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như bàn về các ngày lễ, tết, ẩm thực, miêu tả người, đồ vật, quần áo, diễn đạt sự lựa chọn, số lượng, giới thiệu các thành viên trong gia đình, kể lại một câu chuyện quá khứ, v.v... Trong học phần này, sinh viên được làm quen với các bài khoá từ 100 từ trở lên, các bài hội thoại dài hơn, viết các đoạn văn khoảng 100 từ, viết thư. Sinh viên có thể vận dụng những kiến thức về ngữ pháp vào bài viết của mình như phối hợp giống số danh từ, tính từ, chia các động từ ở thời quá khứ, phối hợp các thì ở thời quá khứ ... Sau khi học xong học phần, sinh viên cũng sẽ biết cách giải thích, biện luận đơn giản.	Khoa Ngoại ngữ
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4	Nội dung học phần tiếp tục hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như giới thiệu các thành viên trong gia đình; làm quen với một người; kể lại những hoạt động thường ngày; miêu tả người, nơi ở; so sánh về số lượng hoặc chất lượng... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.	Khoa Ngoại ngữ
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3	Học phần tiếp tục trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Ngữ pháp, Ngữ âm, Từ vựng... của tiếng Pháp. Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như hỏi thông tin, giải thích,	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				nhận lời mời hay từ chối, nói về ngày làm việc của mình, nói về kế hoạch tương lai...Sinh viên được làm quen với cách hỏi, đặt câu hỏi với các đại từ phức tạp hơn của tiếng Pháp, biết chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thức mệnh lệnh, biết chỉ đường, định vị trong không gian.v.v.. Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.	
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3	Nội dung học phần tiếp tục hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như bàn về các ngày lễ, tết, ẩm thực, miêu tả người, đồ vật, quần áo, diễn đạt sự lựa chọn, số lượng, giới thiệu các thành viên trong gia đình, kể lại một câu chuyện quá khứ, v.v... Trong học phần này, sinh viên được làm quen với các bài khoá từ 100 từ trở lên, các bài hội thoại dài hơn, viết các đoạn văn khoảng 100 từ, viết thư. Sinh viên có thể vận dụng những kiến thức về ngữ pháp vào bài viết của mình như phối hợp giống số danh từ, tính từ, chia các động từ ở thời quá khứ, phối hợp các thì ở thời quá khứ ... Sau khi học xong học phần, sinh viên cũng sẽ biết cách giải thích, biện luận đơn giản.	Khoa Ngoại ngữ
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	Môn học này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết lý thuyết cơ bản về công nghệ thông tin: khái niệm về thông tin, cấu trúc tổng quát của máy tính, hệ điều hành Windows, các lệnh và thao tác để soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail.	Khoa Khoa học Tự nhiên
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	Bằng cách thông qua thực hành trên máy tính, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng: Sử dụng hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail. Trong phần thực hành cũng lồng ghép các kỹ năng viết báo cáo khoa học, kỹ năng soạn các bản trình bày trên các máy chiếu đa phương tiện.	Khoa Khoa học Tự nhiên
20	ML014	Triết học Mác – Lênin	2	Học phần trình bày những nội dung cơ bản sau: - Chủ nghĩa duy vật biện chứng - Phép biện chứng duy vật - Chủ nghĩa duy vật lịch sử	Khoa Khoa học Chính trị
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Học phần giới thiệu cho sinh viên các vấn đề: Điều kiện ra đời đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa; hàng hóa; tiền tệ; quy luật giá trị; Sự chuyển hóa của tiền thành tư bản; quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư; tiền công trong chủ nghĩa tư bản; sự chuyển hóa của giá trị thặng dư thành tư bản – tích lũy tư bản; quá trình lưu	Khoa Khoa học Chính trị

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				thông của tư bản và giá trị thặng dư; các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư; Chủ nghĩa tư bản độc quyền; chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước; chủ nghĩa tư bản ngày nay và những biểu hiện của nó; vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; cách mạng xã hội chủ nghĩa; hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa;	
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần giới thiệu cho sinh viên các vấn đề: Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa; giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo; Chủ nghĩa xã hội hiện thực; sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội xô viết và nguyên nhân của nó; triển vọng của chủ nghĩa xã hội.	Khoa Khoa học Chính trị
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Học phần giới thiệu cho sinh viên các vấn đề: Điều kiện ra đời đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa; hàng hóa; tiền tệ; quy luật giá trị; Sự chuyển hóa của tiền thành tư bản; quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư; tiền công trong chủ nghĩa tư bản; sự chuyển hóa của giá trị thặng dư thành tư bản – tích lũy tư bản; quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư; các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư; Chủ nghĩa tư bản độc quyền; chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước; chủ nghĩa tư bản ngày nay và những biểu hiện của nó; vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; cách mạng xã hội chủ nghĩa; hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa; Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa; giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo; Chủ nghĩa xã hội hiện thực; sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội xô viết và nguyên nhân của nó; triển vọng của chủ nghĩa xã hội.	Khoa Khoa học Chính trị
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Cùng với môn học Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta, tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới. Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 6 chương trình bày những nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh, cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh.	Khoa Khoa học Chính trị
25	KL001	Pháp luật đại cương	2	Học phần này được thiết kế giảng dạy cho sinh viên không chuyên Luật. Học phần giới thiệu những vấn đề lý luận cơ bản của học thuyết Mác-Lênin về nhà nước và pháp luật từ nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng	Khoa Luật

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				cũng như các kiểu nhà nước và pháp luật đã hình thành, tồn tại và phát triển qua các hình thái kinh tế xã hội khác nhau trong lịch sử nhân loại. Thêm vào đó, học phần cũng bao gồm việc nghiên cứu vị trí của nhà nước trong hệ thống chính trị, cấu thành Bộ máy nhà nước, các hệ thống cơ quan nhà nước. Khối lượng lớn kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật thông dụng của Việt Nam cũng được giới thiệu như quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tội phạm, vi phạm pháp luật hành chính, quy định của pháp luật về kết hôn, ly hôn, thừa kế...	
26	ML007	Logic học đại cương	2	Học phần trang bị những tri thức của logic hình thức. Cung cấp những quy tắc và các yêu cầu của các quy luật cơ bản của tư duy như: Quy luật đồng nhất; Quy luật phi mâu thuẫn; Quy luật gạt bỏ cái thứ ba; Quy luật lý do đầy đủ. Và những hình thức cơ bản của tư duy như: Khái niệm; Phán đoán; Suy luận; Giả thuyết; Chứng minh; Bác bỏ và Ngụy biện. 7. Cấu trúc.	Khoa Khoa học Chính trị
27	XH028	Xã hội học đại cương	2	Môn học nghiên cứu qui luật, tính qui luật của sự hình thành, vận động biến đổi mối quan hệ, tương tác qua lại giữa con người và xã hội. Đối tượng nghiên cứu của Xã hội học là các quan hệ xã hội, tương tác xã hội biểu hiện qua các hành vi giữa người với người trong các nhóm, các tổ chức, các hệ thống xã hội.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
28	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức chung về văn hóa học và văn hóa Việt Nam, về hệ thống các thành tố, những đặc trưng và quy luật phát triển của văn hóa Việt Nam, các vùng văn hóa Việt Nam; phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hóa Việt nam; rèn kỹ năng vận dụng kiến thức văn hóa học vào phân tích ngôn ngữ và tác phẩm văn học.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
29	XH012	Tiếng Việt thực hành	2	Học phần được thiết kế thành 4 chương. Mỗi chương gồm hai phần chính được biên soạn đan xen vào nhau: giản yếu về lý thuyết và hệ thống bài tập thực hành. Chương 1 tập trung vào vấn đề về chữ viết và chính tả. Chương 2 tập trung rèn luyện kỹ năng dùng từ. Tương tự, nội dung chương 3 là rèn luyện kỹ năng về câu. Chương 4, rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
30	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2	Môn học Văn bản – Lưu trữ học nhằm trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về văn bản quản lý và tài liệu lưu trữ, giúp sinh viên nhận thức rõ vai trò của văn bản hành chính và tài liệu lưu trữ đối với công tác quản lý. Bên cạnh đó, môn học này còn giúp người học nắm vững phương pháp soạn thảo và quản lý khoa học các loại văn bản hành chính, biết cách lựa chọn, phân loại văn bản để lưu trữ; biết cách tra tìm, sử dụng tài liệu lưu trữ để có thể làm tốt công tác quản lý ở trường học cũng	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				như ở các cơ quan nói chung.	
31	KN001	Kỹ năng mềm	2	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và hướng dẫn rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho người học: Kỹ năng giao tiếp, các nguyên lý chung về giao tiếp, kỹ năng lắng nghe, nói và thuyết trình hiệu quả, kỹ năng làm việc nhóm đảm bảo sự hợp tác tốt trong học tập và làm việc, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng quản lý cảm xúc.	Trung tâm tư vấn, hỗ trợ Khởi nghiệp
32	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	Nội dung của môn học tập trung vào những kiến thức tổng quan về sáng tạo, đổi mới và hình thành ý tưởng khởi nghiệp, lựa chọn loại hình sở hữu doanh nghiệp, hiểu biết cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ. Thêm vào đó, sinh viên còn được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thị trường như đánh giá thể mạnh, cơ hội, đe dọa, rủi ro thương mại hóa sản phẩm từ ý tưởng kinh doanh, phát hiện tiềm năng kinh doanh và lập kế hoạch khởi nghiệp. Quan trọng hơn, sinh viên có cơ hội được chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp từ các doanh nhân thành đạt và/hoặc tham quan mô hình khởi nghiệp thành công.	Trung tâm tư vấn hỗ trợ Khởi nghiệp
33	SP009	Tâm lý học đại cương	2	Học phần Tâm lý học đại cương giới thiệu cho sinh viên các vấn đề: Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học; Bản chất hiện tượng tâm lý con người, chức năng và các loại hiện tượng tâm lý người, các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Những cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội của tâm lý người; Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức về phương diện cá thể; Các quá trình nhận thức như cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng, trí nhớ, ngôn ngữ của con người và ứng dụng của các quá trình nhận thức vào trong hoạt động thực tiễn; Khái niệm và bản chất của nhân cách, các thuộc tính tâm lý nhân cách và các con đường hình thành nhân cách; Những sai lệch hành vi về mặt tâm lý trong sự phát triển nhân cách, nguyên nhân và biện pháp khắc phục chúng.	Khoa Sư phạm
34	SG011	Quản lý HCNN và quản lý ngành GD&ĐT	2	Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước và quản lý hành chính nhà nước về giáo dục – đào tạo, giúp người học Nâng cao năng lực và cải tiến công tác quản lý hành chính Nhà nước trong nhà trường và trong hoạt động giáo dục. Môn học cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về nhà nước, cơ chế tổ chức và nội dung quản lý hành chính nhà nước về giáo dục, từ đó giúp người học ý thức được những chức trách, nhiệm vụ của mình trong quá trình xây dựng nền hành chính tối ưu góp phần nâng cao chất lượng và công bằng giáo dục. Môn học chú trọng đến việc hình thành các kỹ năng nhận thức và vận dụng những kiến thức vào việc bồi dưỡng nhân cách người giáo viên; đồng thời góp phần hình thành	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				các kỹ năng về quản lý học sinh, quản lý trường học... Các kỹ năng chủ yếu được hình thành thông qua các nội dung của môn học có sự lồng ghép của giảng viên.	
35	SP010	Tâm lý học sư phạm	2	Nội dung học phần trang bị cho người học tri thức cơ bản về các lý thuyết phát triển tâm lý học sinh, cơ sở tâm lý trong dạy học và giáo dục và những đặc trưng lao động sư phạm, cấu trúc nhân cách của người giáo viên nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ sở ngành sư phạm nhằm chuẩn bị tham gia vào quá trình kiến tập, thực tập sư phạm, làm cơ sở cho việc rèn luyện nhân cách người giáo viên.	Khoa Sư phạm
36	SP079	Giáo dục học	3	Nội dung học phần bao gồm hệ thống kiến thức về chung về giáo dục con người được thể hiện cụ thể qua các nội dung như: Giáo dục học là một khoa học, giáo dục và sự phát triển nhân cách, mục đích, nhiệm vụ, các con đường và nguyên lý giáo dục; hệ thống kiến thức chung về dạy học như: Quá trình dạy học, quy luật và nguyên tắc dạy học, mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học; hệ thống kiến thức chung về giáo dục hạnh kiểm cho học sinh như: Quá trình giáo dục, nguyên tắc giáo dục, nội dung và phương pháp giáo dục.	Khoa Sư phạm
37	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững	2	Học phần cung cấp người học những khái niệm về Giáo dục so sánh; mục đích, nhiệm vụ và đối tượng của Giáo dục so sánh; nguyên tắc nghiên cứu Giáo dục so sánh; cách tiếp cận nghiên cứu so sánh giáo dục; kỹ thuật so sánh giáo dục; so sánh giáo dục Việt Nam với giáo dục một số nước trên thế giới. Khái niệm, mục tiêu, nội dung, nguyên tắc, mô hình và chỉ tiêu phát triển bền vững; những mâu thuẫn, thách thức nảy sinh trong quá trình phát triển của thế giới hiện đại; kinh nghiệm quốc tế về xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển bền vững; định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam; khái niệm, mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục bền vững.	Khoa Sư phạm
38	SG394	Giáo dục hòa nhập	2	Nội dung môn học trang bị cho sinh viên tri thức khái quát chung về giáo dục hòa nhập gồm: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, khái niệm, tính tất yếu của giáo dục hòa nhập, các kiến thức giáo dục trẻ khuyết tật, phân loại học sinh khuyết tật...	
39	SG131	Hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông	2	Nội dung học phần bao gồm hệ thống kiến thức cơ bản về công tác chủ nhiệm lớp ở trung học phổ thông như: Giáo viên chủ nhiệm lớp ở trung học phổ thông, chức năng của giáo viên chủ nhiệm lớp ở trung học phổ thông, nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm lớp ở trung học phổ thông, nội dung và phương pháp công tác chủ nhiệm lớp ở trung học phổ thông; hệ thống kiến thức cơ bản về tổ chức hoạt động giáo dục học sinh lớp chủ nhiệm ở trung học phổ thông như: Mục tiêu tổ chức hoạt động giáo dục, nội dung và hình thức tổ chức hoạt động	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				giáo dục, phương pháp và phương tiện sử dụng trong tổ chức hoạt động giáo dục, quy trình tổ chức hoạt động giáo dục, đánh giá trong tổ chức hoạt động giáo dục.	
40	SG439	Phương pháp nghiên cứu khoa học Giáo dục	2	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về mục tiêu của một công trình nghiên cứu, kiến thức mới và cơ chế phát hiện ra kiến thức mới, nghiên cứu mô tả và nghiên cứu giải thích, tìm kiếm tài liệu tham khảo và đánh giá độ tin cậy của tài liệu tham khảo, chuẩn APA (American Psychological Association) trong việc trình bày tài liệu tham khảo, kỹ thuật làm lược khảo tài liệu, xây dựng được đề cương nghiên cứu. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị cho sinh viên các kỹ năng cơ bản trong nghiên cứu khoa học Địa lí như xác định vấn đề nghiên cứu, lựa chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp cho từng kiểu đề tài, tổng hợp tài liệu, xử lý thông tin,... Qua học phần này sinh viên sẽ viết được bài báo khoa học, thực hiện các đề tài tiểu luận, luận văn tốt nghiệp và các đề tài nghiên cứu khoa học ở các cấp độ khác nhau.	Khoa Sư phạm
41	SG420	Lý luận dạy học Ngữ văn và khoa học xã hội	2	Học phần này gồm 3 chương. Trong chương 1, SV sẽ được tìm hiểu các lý thuyết học tập – cơ sở của việc dạy học, đó là thuyết hành vi, thuyết tri nhận, kiến tạo kiến thức, thuyết nhân văn, vận dụng các lý thuyết đó vào thiết kế một số hoạt động dạy học. Trong chương 2, sinh viên sẽ được tìm hiểu các đặc điểm của hoạt động đọc hiểu văn bản và các nguyên tắc dạy đọc hiểu. Chương 3, tập trung vào hai vấn đề: đặc điểm của hoạt động tạo lập văn bản và các nguyên tắc dạy tạo lập văn bản.	Khoa Sư phạm
42	SG111	Phương pháp dạy học Địa lý	2	Học phần trang bị cho SV các khái niệm về phương pháp dạy học, mối quan hệ với các thành tố khác của quá trình dạy học để giúp sinh viên nhận thức rõ hơn về vai trò, trách nhiệm của bản thân trong quá trình thực hành nghề nghiệp của mình. Bên cạnh đó, nội dung học phần còn tập trung làm rõ đặc điểm, vai trò và cách thức sử dụng một số phương pháp dạy học tiêu biểu trong quá trình dạy học môn Địa lí.	Khoa Sư phạm
43	SG429	Phát triển chương trình giáo dục Ngữ văn và khoa học xã hội	2	Trong học phần này, SV sẽ được tìm hiểu về những vấn đề về chương trình, thiết kế chương trình. Cụ thể là trong chương 1, SV sẽ tìm hiểu về chương trình, cách thiết kế chương trình. Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể: nội dung, yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực. Trong chương 2, SV sẽ tìm hiểu về Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể: đặc điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực, phương pháp giáo dục và kiểm tra đánh giá năng lực HS. Trong chương 3, SV sẽ tìm hiểu về Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn: đặc điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt về năng lực đọc, viết, nói và nghe, phương pháp giáo dục và kiểm tra đánh giá năng lực HS.	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
44	SG423	Đánh giá kết quả học tập Ngữ văn và khoa học xã hội	2	Học phần Đánh giá kết quả học tập Địa lí cung cấp cơ sở lí luận về kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học sinh trong quá trình dạy học ở bậc Trung học Phổ thông. Sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để xây dựng câu hỏi hoặc thiết kế đề kiểm tra – đánh giá kết quả học tập của học sinh theo nội dung chương trình Trung học Phổ thông; biết cách xây dựng tiêu chí để đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh; có thể tự lập kế hoạch chuẩn bị, tổ chức và quản lí việc đánh giá môn học của mình khi dạy học; biết cách phân tích và đánh giá câu hỏi và đề kiểm tra; giáo dục các đức tính cần thiết của người giáo viên trong đánh giá như công tâm, nghiêm minh, bình đẳng, không thiên vị.	Khoa Sư phạm
45	SG308	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Địa lý	2	Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng sử dụng một số phần mềm phổ biến của chuyên ngành trong dạy học. Trên cơ sở đó, sinh viên vận dụng để xử lý dữ liệu, thông tin, hình ảnh, biểu đồ, sơ đồ, thiết kế giáo án điện tử,... phục vụ trực tiếp cho quá trình dạy học môn Địa lí ở nhà trường trung học phổ thông. Đồng thời, học phần này cũng giúp sinh viên có được các kĩ năng cần thiết để thiết kế nội dung các bài báo cáo địa lí trên MS PowerPoint khoa học và hiệu quả.	Khoa Sư phạm
46	SG309	Tập giảng Địa lý	2	Tập giảng là hoạt động giảng dạy đầu tiên mà sinh viên được trải nghiệm trong chương trình đào tạo giáo viên Địa lí. Nội dung lí luận dạy học, kiến thức Địa lí trong vốn hiểu biết của người học sẽ được cụ thể hóa qua các hoạt động tập giảng trên lớp, từ đó tiếp tục được củng cố và nâng cao nhận thức về lí luận dạy học. Thông qua tập giảng bước đầu hình thành cho sinh viên những kĩ năng cơ bản nhất trong dạy học, là tiền đề để sinh viên hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy trong đợt thực tập sư phạm cuối khóa.	Khoa Sư phạm
47	SG312	Kỹ thuật dạy học Địa lý	3	Học phần “Kỹ thuật dạy học Địa lí” giúp sinh viên rèn luyện được những kỹ năng đặc thù trong dạy học Địa lí THPT như rèn luyện được kỹ thuật dạy học và đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh; xác định mục tiêu và ý chính; vào bài và củng cố bài; sử dụng atlát; vận dụng thực tế; tổ	Khoa Sư phạm
48	SG313	Toán ứng dụng cho Địa lý	3	Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về toán học như ma trận, định thức, hệ phương trình,... Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ thực hành các bài tập vận dụng để phân tích địa hình, các hiện tượng trong khí quyển và thủy quyển, dân cư, kinh tế - xã hội. Học phần này còn trang bị cho SV kỹ năng xây dựng và giải quyết các công thức toán học có liên quan đến chương trình địa lí THPT	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
49	XH137	Dân số và phát triển	2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết về mối quan hệ giữa dân số và phát triển, trên cơ sở phân tích những mối quan hệ này trên thế giới và ở Việt Nam. Học phần còn đề cập tới một số vấn đề về quan hệ dân số-phát triển và những vấn đề toàn cầu như bùng nổ dân số, ô nhiễm môi trường, toàn cầu hóa và nền kinh tế tri thức, vấn đề phát triển bền vững và chiến lược phát triển con người ở Việt Nam. Từ đó, sinh viên có những nhận xét, đánh giá mối quan hệ giữa dân số và phát triển ở địa phương và trong nghiên cứu khoa học...	Khoa Sư phạm
50	SG315	Di cư an toàn	2	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề dân cư, hoạt động quần cư, di cư và di cư an toàn. Bên cạnh đó, học phần cung cấp cho người học thực trạng di cư an toàn ở Việt Nam và định hướng cho SV cách thức tổ chức giáo dục di cư an toàn trong nhà trường và cộng đồng.	Khoa Sư phạm
51	SP597	Kiến tập sư phạm	2	Kiến tập sư phạm là giai đoạn sinh viên tiếp cận với môi trường giáo dục ở trường phổ thông, mà cụ thể là quan sát, tìm hiểu các hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục học sinh cũng như các hoạt động xã hội của nhà trường. Sinh viên được nghe các báo cáo tình hình, cơ cấu tổ chức và hoạt động ở trường phổ thông; kinh nghiệm công tác giảng dạy và chủ nhiệm của một số giáo viên tiêu biểu. Ngoài ra, sinh viên còn được dự giờ giáo viên hướng dẫn chuyên môn và chủ nhiệm, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, phong trào thi đua lớp, tổ chức sinh hoạt đoàn, đội,... Từ đó, bước đầu hình thành tình cảm và ý thức nghề nghiệp cho sinh viên, tích lũy kinh nghiệm chuẩn bị cho giai đoạn thực tập sư phạm. Thời điểm kiến tập sư phạm thường là học kỳ I năm thứ ba. Hình thức kiến tập sư phạm là tập trung trong 3 tuần liên tục.	Khoa Sư phạm
52	SP598	Thực tập Sư phạm	3	Thực tập sư phạm là giai đoạn sinh viên thực hành những kiến thức về các môn khoa học chuyên ngành, kiến thức về khoa học giáo dục đã được học ở trường đại học. Học phần thực tập sư phạm là giai đoạn sinh viên được rèn luyện, thử thách về nhiều mặt: khả năng vận dụng linh hoạt kiến thức vào thực tế, năng lực sáng tạo, năng lực tổ chức, quản lý học sinh. Học phần này giúp sinh viên có cơ hội để tham gia vào các hoạt động chuyên môn ở nhà trường phổ thông, qua đó tiếp tục tăng cường tình cảm và ý thức nghề nghiệp. Thời điểm Thực tập sư phạm là học kỳ 8 năm thứ tư, bắt đầu vào đầu HK II và kéo dài 8 tuần liên tục. Hình thức sinh viên đi Thực tập sư phạm là tập trung. Sinh viên được xem là thành viên của trường phổ thông, sẽ chịu sự quản lý, phân công của trường thực tập.	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
53	SP220	Anh văn chuyên môn Địa lý	2	Tiếng Anh chuyên ngành Địa lý gồm 6 chương được thiết kế cô đọng và trực quan. Mỗi chương là tập hợp các chủ đề trọng yếu, cung cấp cho người học vốn thuật ngữ chuyên ngành từ cơ bản đến nâng cao. Nhiều thuật ngữ mới liên quan đến các vấn đề địa chính trị và kinh tế-xã hội cũng được cập nhật. Ngoài ra, mỗi chương trong tài liệu còn được thiết kế thành các hoạt động đa dạng nhằm rèn luyện năng lực tư duy phản biện, năng lực tự học, kỹ năng làm việc phối hợp (nhóm/cặp đôi) và các kỹ năng tiếp nhận-phản hồi thông tin như: kỹ năng đoán nghĩa cụm từ/thuật ngữ mới, kỹ năng đọc hiểu tài liệu chuyên ngành và kỹ năng viết học thuật cơ bản.	Khoa Sư phạm
54	XH018	Pháp văn chuyên môn - KHXH	2	Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong lĩnh vực khoa học xã hội, như giới thiệu bản thân (tên tuổi, nghề nghiệp, đào tạo,...), giới thiệu về các hoạt động kinh tế-xã hội, trình bày các dự án trong lĩnh vực khoa học xã hội, trao đổi thư từ chuyên môn... trong đó chú trọng đến từ vựng chuyên ngành xã hội. Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.	Khoa Sư phạm
55	SG316	Trắc địa cơ bản	2	Học phần này cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về Trắc địa, các bài tập cơ bản trong trắc địa, các kỹ năng sử dụng máy thủy bình và máy kinh vĩ điện tử, khả năng xây dựng các đường chuyền kinh vĩ (đường chuyền đơn, đường chuyền phù hợp, đường chuyền kinh vĩ khép kín,...)	Khoa Sư phạm
56	SG130	Bản đồ học	3	“Địa lí bắt đầu bằng bản đồ và kết thúc bằng bản đồ”, bản đồ vừa là phương tiện giảng dạy trực quan giúp người học khái quát không gian rộng lớn, bản đồ vừa cung cấp kiến thức địa lí như quyển sách giáo khoa thứ hai. Học phần này trang bị cho sinh viên SP Địa lí học các khái niệm, nguyên tắc, cơ sở toán học, đặc điểm bản đồ và quy trình thành lập bản đồ đúng quy cách. Hơn nữa, qua học phần này sinh viên sẽ khai thác hiệu quả thông tin trên bản đồ và sử dụng bản đồ tốt hơn trong quá trình học tập hiện tại và giảng dạy sau này.	Khoa Sư phạm
57	SP015	Địa chất đại cương	2	Học phần địa chất đại cương sẽ cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về cấu tạo của Trái Đất, cấu tạo vỏ Trái Đất, các đặc tính nhận diện của tinh khoáng và đá, cũng như các dấu hiệu để nhận diện đá và tinh khoáng, từ đó SV có thể phân biệt được tinh khoáng và đá; các loại tinh khoáng; các loại đá với nhau. Học phần này còn cung cấp cho SV những kiến thức để có thể giải thích các hiện tượng trong tự nhiên có liên quan đến địa chất như tác dụng của dòng nước chảy trên mặt; tác dụng của biển hay tác dụng của không khí đối với đá và tinh khoáng.	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
58	SG317	Khoa học Trái Đất	2	Khoa học về Trái Đất cung cấp cho sinh viên các kiến thức về Vũ trụ (quan niệm về vũ trụ, một số thuyết về vũ trụ, các mô hình vũ trụ, sự hình thành các thiên hà, các giả thuyết về nguồn gốc Hệ Mặt Trời và Trái Đất, ...), Hệ Mặt Trời (đặc điểm chung của Hệ, các thiên thể trong Hệ Mặt Trời); Trái Đất (quá trình nhận thức về hình dạng của Trái Đất và ý nghĩa về mặt địa lý và địa vật lý về hình dạng và kích thước của Trái Đất, cấu trúc và trạng thái vật chất bên trong Trái Đất, một số đặc điểm của Trái Đất, các vận động của Trái Đất – Vận động tự quay, vận động quanh Mặt Trời, vận động của hệ thống Trái Đất-Mặt Trăng và hệ quả của các vận động) và lớp vỏ địa lý của Trái Đất (các lớp vỏ bộ phận, những quy luật đang tồn tại và chi phối các lớp vỏ, môi trường địa lý và ảnh hưởng của môi trường địa lý tới đời sống xã hội và các dạng tài nguyên trong môi trường địa lý)	Khoa Sư phạm
59	SG318	Thạch quyển	2	Thạch quyển cung cấp cho sinh viên các kiến thức về thành phần vật chất và nguồn gốc vỏ Trái Đất; những khái niệm cơ bản về địa hình; Những yếu tố địa hình kiến tạo lớn trên lục địa: Miền núi, miền đồng bằng, trung du, những yếu tố địa hình bóc mòn-bồi tụ: Địa hình do dòng nước, địa hình karst, địa hình băng hà, địa hình miền khí hậu khô khan, địa hình miền bờ biển; Những yếu tố địa hình dưới đại dương: Rìa lục địa ngập nước, đới chuyển tiếp của đáy đại dương, hệ thống núi ngầm đại dương, lòng đại dương, những nét giống và khác nhau với địa hình trên lục địa.	Khoa Sư phạm
60	SG319	Khí quyển	2	Học phần Khí Quyển nhằm trang bị cho sinh viên: Các đặc điểm cơ bản của Khí Quyển Trái Đất.; Mối quan hệ giữa Khí Quyển với các thành khác trong lớp vỏ địa lý, đặc biệt trong việc điều hoà lượng nhiệt ẩm và phân bố lại năng lượng vật chất trên bề mặt Trái Đất; Giải thích được các hiện tượng thông thường về khí hậu trên Trái Đất và ở nước ta; Có các kỹ năng thực hành thu thập, phân tích và xử lý các số liệu khí hậu phục vụ việc nghiên cứu và giảng dạy phần Khí quyển trong chương trình dạy học sau này.	Khoa Sư phạm
61	SG320	Thủy quyển	2	Học phần Thủy Quyển nhằm trang bị cho sinh viên: Các đặc điểm cơ bản của Thủy Quyển Trái Đất; Mối quan hệ giữa Thủy Quyển với các thành khác trong lớp vỏ địa lý, đặc biệt trong việc điều hoà lượng nhiệt ẩm và phân bố lại năng lượng vật chất trên bề mặt Trái Đất; Giải thích được các hiện tượng thông thường về thủy văn trên Trái Đất và ở nước ta; Có các kỹ năng thực hành thu thập, phân tích và xử lý các số liệu thủy văn phục vụ việc nghiên cứu và giảng dạy phần Thủy quyển trong chương trình dạy học sau này.	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
62	SG321	Thổ nhưỡng quyền	2	Thổ nhưỡng là một thành phần vật chất quan trọng của lớp vỏ địa lí; đồng thời thổ nhưỡng còn là “tấm gương” biểu hiện rõ nhất những tác động của tự nhiên, đồng thời còn là một tài nguyên thiên nhiên có ý nghĩa lớn lao đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp của con người cũng như mọi hoạt động khác của xã hội, vì “đất là giá đỡ toàn bộ đời sống của loài người”. Học phần này trang bị cho sinh viên SP Địa lí học các khái niệm, thành phần vật chất, đặc tính thổ nhưỡng, quy luật phân bố và một số vấn đề về sử dụng và bảo vệ đất. Hơn nữa, qua học phần này sinh viên sẽ phát huy tư duy tổng hợp kiến thức địa lí tự nhiên, sử dụng kiến thức địa lí tự nhiên tốt hơn trong quá trình học tập hiện tại và giảng dạy sau này.	Khoa Sư phạm
63	SG322	Sinh quyển	2	Sinh quyển là một bộ phận của lớp vỏ Trái Đất chứa đầy vật chất sống; Sinh vật trên thế giới rất đa dạng và phức tạp. Sự phát triển và phân bố của sinh quyển chịu ảnh hưởng của các điều kiện sinh thái, nhất là các yếu tố của khí hậu. Do đó, sự phân bố của sinh vật có liên quan đến các đới khí hậu, các vành đai khí hậu theo độ cao. Sinh vật sống trên cạn, dưới nước trong những điều kiện sinh thái khác nhau, tạo nên các hệ sinh thái khác nhau trên Trái Đất... Học phần này trang bị cho sinh viên SP Địa lí học các khái niệm, thành phần vật chất, đặc tính của sinh quyển, quy luật phân bố và một số vấn đề về sử dụng và bảo vệ tính đa dạng sinh học. Hơn nữa, qua học phần này sinh viên sẽ phát huy tư duy tổng hợp kiến thức địa lí tự nhiên, sử dụng kiến thức địa lí tự nhiên tốt hơn trong quá trình học tập hiện tại và giảng dạy sau này.	Khoa Sư phạm
64	SP477	Địa lý tự nhiên Việt Nam	3	Địa lý tự nhiên Việt Nam là môn học về đặc điểm chung, các thành phần của tự nhiên, các miền, các khu vực tự nhiên của Việt Nam. Học phần này giới thiệu một cách cơ bản về vị trí địa lý, phạm vi lãnh thổ; đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam, lịch sử phát triển của tự nhiên Việt Nam; các hợp phần của tự nhiên Việt Nam; quy luật phân bố của chúng trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam; đặc điểm các miền, các khu địa lý tự nhiên. Qua đó người học có thể đánh giá tiềm năng và vai trò của điều kiện tự nhiên trong việc phát triển KT- XH của đất nước.	Khoa Sư phạm
65	SG323	Địa lý tự nhiên các châu 1	2	Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về các Châu lục; qua đó sinh viên nắm những những vấn đề cơ bản, đặc biệt là về tự nhiên : kiến tạo lục địa, địa hình, khí hậu, sông ngòi, hệ sinh vật....của các Châu để vận dụng vào việc giảng dạy, nghiên cứu.	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
66	SG324	Địa lý tự nhiên các châu 2	2	Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về các Châu lục; qua đó sinh viên nắm những những vấn đề cơ bản, đặc biệt là về tự nhiên : kiến tạo lục địa, địa hình, khí hậu, sông ngòi, hệ sinh vật....của các Châu để vận dụng vào việc giảng dạy, nghiên cứu.	Khoa Sư phạm
67	SG325	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương	4	Học phần Địa lí KTXH đại cương trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết về địa lý kinh tế-xã hội như đối tượng nhiệm vụ, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu. Học phần còn đề cập tới những vấn đề quan trọng như môi trường và tài nguyên thiên nhiên đối với sản xuất xã hội. Đặc biệt, học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về địa lý dân cư, địa lý các ngành kinh tế... tình hình phát triển kinh tế-xã hội thế giới hiện nay và vận dụng vào thực tiễn phát triển kinh tế-xã hội Việt Nam.	Khoa Sư phạm
68	SP480	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam	4	Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức quan trọng phục vụ cho việc giảng dạy môn Địa lí lớp 12 ở trường Trung học Phổ thông. Chương 1 trình bày các nguồn lực tự nhiên phục vụ cho việc phát triển kinh tế Việt Nam. Chương 2 đề cập đến những vấn đề về dân cư và lao động Việt Nam, trên cơ sở đó thấy được mối quan hệ giữa dân số và phát triển. Các chương 3 đến 5 lần lượt phân tích những vấn đề phát triển các ngành kinh tế ở nước ta bao gồm nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ. Ở mỗi vấn đề sẽ đề cập tới vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng và thực trạng - định hướng phát triển của từng ngành. Những vấn đề về các vùng kinh tế được đề cập trong nội dung chương 6 để làm rõ lợi thế và hạn chế của từng vùng kinh tế Việt Nam. Bên cạnh đó, chương này cũng giới thiệu được những ngành tiêu biểu và vấn đề phát triển kinh tế đặc trưng của từng vùng lãnh thổ. Chương 6 cũng đề cập đến vấn đề phát triển vùng kinh tế trọng điểm Việt Nam và vấn đề an ninh – quốc phòng của nước ta.	Khoa Sư phạm
69	SP481	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 1	3	Học phần Địa lý Kinh tế - Xã hội Thế giới 1 sẽ trang bị cho sinh viên SP Địa lí kiến thức về sự phân chia các nhóm nước trên Thế giới. Ngoài ra, nội dung chính của học phần là trang bị cho sinh viên kiến thức về kinh tế - xã hội của các khu vực và một số quốc gia tiêu biểu thuộc nhóm nước đang phát triển. Cụ thể là châu Á, châu Phi và Mỹ La Tinh. Qua học phần này, sinh viên sẽ biết cách khai thác hiệu quả các thông tin về kinh tế - xã hội Thế giới qua nhiều nguồn để hỗ trợ cho quá trình học tập hiện tại và giảng dạy sau này.	Khoa Sư phạm
70	SP482	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 2	3	Học phần Địa lý Kinh tế - xã hội Thế giới 2 sẽ trang bị cho sinh viên SP Địa lí kiến thức về nhóm nước phát triển cao trên Thế giới. Theo đó, các nước này phân bố chủ yếu ở Châu Âu, Bắc Mỹ và Châu Úc với các quốc gia tiêu biểu như Liên Bang Nga, Hoa Kỳ, Liên hiệp Úc. Bên cạnh việc trang bị kiến thức của các nước tiêu biểu	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				như trên thì học phần này còn trang bị cho sinh viên kiến thức về một tổ chức liên kết khu vực, đó là Liên Minh Châu Âu. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho sinh viên kiến thức về một số chuyên đề theo chương trình phổ thông mới, đó là: Một số vấn đề về du lịch Thế giới, Cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư. Qua học phần này, sinh viên sẽ biết cách khai thác hiệu quả các thông tin về kinh tế - xã hội Thế giới qua nhiều nguồn để hỗ trợ cho quá trình học tập hiện tại và giảng dạy sau này.	
71	SG326	Thực tế ngoài trường địa lý	3	Học phần "Thực tế ngoài trường Địa lý" trang bị cho sinh viên những kiến thức thực tế về các điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội tại các địa bàn, các vùng lãnh thổ đi qua. Qua đó giúp sinh viên củng cố lại kiến thức lý thuyết đã học, vận dụng kiến thức lý thuyết đó vào thực tế, thu thập thông tin tư liệu phục vụ cho quá trình học tập, nghiên cứu và giảng dạy về sau. Bên cạnh đó học phần còn trang bị cho sinh viên các kỹ năng làm việc nhóm ngoài thực tế, kỹ năng thu thập mẫu vật, kỹ năng sử dụng các thiết bị phục vụ học tập thực tế. Đồng thời học phần cũng góp phần giáo dục ý thức cộng đồng, tinh thần đoàn kết tập thể, ý thức trong việc bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai.	Khoa Sư phạm
72	SG327	Hệ thống tin địa lý - GIS	3	Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết về hệ thống tin địa lý (Geographic Information System). Qua học phần này, sinh viên sẽ có được kỹ năng sử dụng các phần mềm GIS để khai thác và tổ chức một hệ thống dữ liệu cơ bản. Quan trọng hơn hết là sinh viên sẽ biên tập được các bản đồ chuyên đề đúng quy cách trên máy tính và sử dụng hiệu quả trong quá trình học tập và nghiên cứu địa lý. Học phần cũng giúp sinh viên củng cố lại kiến thức về bản đồ đã được học trước đó.	Khoa Sư phạm
73	SP473	Địa lý du lịch	2	Địa lý Du lịch là môn học nhằm khái quát mối quan hệ giữa các đối tượng du lịch trên phạm vi lãnh thổ. Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về du lịch, tài nguyên du lịch, hệ thống lãnh thổ du lịch. Trên cơ sở đó vận dụng tìm hiểu tiềm năng du lịch, tuyến và điểm du lịch của các vùng du lịch ở Việt Nam. Môn học này đề cập tới vấn đề qui hoạch và phát triển du lịch theo vùng ở Việt Nam qua các giai đoạn, đặc biệt là qui hoạch tổng thể du lịch Việt Nam hiện nay.	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
74	SG329	Dân cư và môi trường Đồng bằng sông Cửu Long	2	ĐBSCL là một đơn vị địa lí tự nhiên - một thể tổng hợp địa lí tự nhiên trong lãnh thổ Việt Nam. Mặt khác, ĐBSCL cũng là một đơn vị địa lí kinh tế nằm trong hệ thống các vùng kinh tế lớn của Việt Nam. ĐBSCL có quá trình hình thành lâu dài, bởi sự bồi đắp phù sa của sông Mekong. ĐBSCL có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, thuận lợi phát triển các ngành kinh tế; quá trình khai thác ĐBSCL gắn liền với quá trình khai hoang mở đất và sử dụng trong phát triển KT - XH của các cư dân nơi đây. Bên cạnh những lợi thế để phát triển mạnh các ngành kinh tế (điều kiện phát triển nông nghiệp, thủy sản) thì ở ĐBSCL còn tồn tại nhiều vấn đề cần quan tâm, tiêu biểu là vấn đề ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu đến ĐKTN và đời sống kinh tế - xã hội...	Khoa Sư phạm
75	SG457	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Địa lý	2	Học phần bao gồm phần lí thuyết về dạy học trải nghiệm, hoạt động trải nghiệm và thực hành tổ chức các hoạt động dạy học trải nghiệm trong quá trình dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục đối với giáo viên Địa lí.	Khoa Sư phạm
76	SP493	Luận văn tốt nghiệp - Địa lý	10	Học phần giúp SV tổng hợp được nhiều kiến thức cơ bản và chuyên sâu về nhiều vấn đề khác nhau của Địa lí và giáo dục Địa lí từ trong thực tế cuộc sống. Đặc biệt, qua học phần sẽ giúp SV rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học, có ý thức tốt hơn trong vấn đề nghiên cứu và biết trân trọng những sản phẩm nghiên cứu khoa học.	Khoa Sư phạm
77	SP492	Tiểu luận tốt nghiệp - Địa lý	4	Học phần giúp SV tổng hợp được nhiều kiến thức cơ bản và chuyên sâu về nhiều vấn đề khác nhau của Địa lí và giáo dục Địa lí từ trong thực tế cuộc sống. Đặc biệt, qua học phần sẽ giúp SV rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học, có ý thức tốt hơn trong vấn đề nghiên cứu và biết trân trọng những sản phẩm nghiên cứu khoa học.	Khoa Sư phạm
78	SP016	Địa danh Việt Nam	2	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về địa danh học Việt Nam như khái niệm địa danh và địa danh học, lịch sử và phương pháp nghiên cứu địa danh Việt Nam, các nhân tố hình thành địa danh, các nguyên tắc đặt tên địa danh, phân loại và phân vùng địa danh Việt Nam. Trên cơ sở đó, sinh viên vận dụng vào tìm hiểu một số địa danh cụ thể của Việt Nam.	Khoa Sư phạm
79	SG331	Di sản thế giới	2	Học phần Di sản thế giới bao gồm 3 chương, ngoài phần giới thiệu mở đầu, nội dung chính là các khái niệm, tiêu chuẩn đánh giá, bình chọn, biểu tượng về Di sản thế giới, các Di sản thế giới trên thế giới và ở Việt Nam.	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
80	SG332	Địa lý Đông Nam Á	2	Địa lý Đông Nam Á cung cấp cho sinh viên cái nhìn đầy đủ về những vấn đề Đông Nam Á đương đại. Ngoài kiến thức tổng quan về địa lý tự nhiên và địa sinh học, học phần này hướng trọng tâm vào kiến thức địa lý nhân văn qua cách tiếp cận liên ngành. Bắt đầu bằng thảo luận về “xã hội học tri thức”, học phần này giới thiệu tiến trình ra đời thuật ngữ “Đông Nam Á” và lịch sử điều chỉnh phạm vi địa-chính trị của khu vực Đông Nam Á trên bản đồ thế giới. Sự phức tạp về địa chính trị và các biến cố lớn trong lịch sử cận đại đã định hình nhiều hình thái chính trị, quyết định trình độ phát triển của các nước trong khu vực cho đến ngày nay. Am hiểu các vấn đề này giúp người học lý giải được các bất đồng trong một ASEAN thống nhất cũng như những dính líu địa chính trị của khu vực với các cường quốc bên ngoài. Bên cạnh đó, các vấn đề an ninh phi truyền thống và khu vực hóa cũng được đề cập và phân tích trong phần cuối của nội dung học phần.	Khoa Sư phạm
81	SP017	Địa lý chính trị	2	Địa chính trị là học phần được thiết kế dành cho sinh viên các chuyên ngành Địa lý học, Lịch sử, Khoa học Chính trị, Quan hệ quốc tế và các khoa học liên ngành khác. Học phần cung cấp cơ sở lý thuyết và cách tiếp cận liên ngành giúp sinh viên thấu hiểu về địa chính trị và lý giải bản chất đa diện của các xung đột đương đại. Nội dung chương trình gồm 5 chương, mỗi chương đề cập một chủ đề trọng yếu của địa chính trị, bao gồm: cơ sở lý luận; mật mã địa chính trị; địa chính trị và chủ nghĩa dân tộc; địa chính trị lãnh thổ; và an ninh phi truyền thống. Đi kèm mỗi chủ đề là một vài trường hợp nghiên cứu cụ thể đóng vai trò dẫn chứng minh họa, đồng thời vừa khơi tạo vấn đề nghiên cứu để sinh viên vận dụng và liên hệ thực tế. Mỗi chương trong tài liệu cũng được bổ sung các hoạt động thảo luận theo mô hình “hội nghị lớp học” nhằm rèn luyện năng lực tư duy phản biện, kỹ năng biện luận logic và kỹ năng viết luận cơ bản. Thông qua các hoạt động này, sinh viên được mong đợi có khả năng đề luận giải hợp lý về những vấn đề địa chính trị ở khu vực và trên thế giới, đặc biệt là các vấn đề an ninh-chính trị có ảnh hưởng tới Việt Nam.	Khoa Sư phạm
82	SG359	Địa lý cảnh quan	2	Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về cảnh quan; qua đó sinh viên nắm những những vấn đề cơ bản về cơ sở lý luận của cảnh quan, sự hình thành và phát triển, sự phân hóa các miền cảnh quan tự nhiên trên Trái Đất.	Khoa Sư phạm

83	SG356	Sử dụng số liệu thống kê trong dạy học địa lý	2	Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng sử dụng SLTK trong dạy học địa lý. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ vận dụng để phân loại các SLTK trong chương trình địa lý 10, 11, 12. Ngoài ra qua học tập HP này, sinh viên sẽ thiết kế được giáo án với khả năng sử dụng SLTK ở các dạng khác nhau. Trong quá trình thực hiện luận văn, tiểu luận và các nghiên cứu khoa học, SLTK được sử dụng rất nhiều. Chính vì vậy, HP này còn trang bị cho sinh viên các kỹ năng sử dụng phần mềm chuyên ngành để xử lý SLTK theo các mục đích nhất định.	Khoa Sư phạm
----	-------	---	---	--	--------------

Đề cương chi tiết các học phần được đính kèm ở phần Phụ lục.

5. Phương pháp giảng dạy và học tập

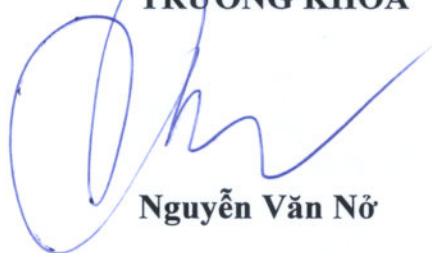
- Phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra của môn học, mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nhằm phát triển khả năng khám phá kiến thức, khả năng nhận thức và khả năng kiến tạo ra kiến thức mới của người học.
- Tùy thuộc vào nội dung từng học phần, mà giảng viên sử dụng các hình thức dạy học và phương pháp dạy học khác nhau. Đối với hình thức tổ chức dạy học thì có các hình thức như: dạy trực tiếp trên lớp học hay ngoài cộng đồng (tại những cơ sở sản xuất, kinh doanh, nông trại,...) hoặc dạy học trực tuyến. Đối với phương pháp dạy và học thì giảng viên thường sử dụng độc lập hoặc kết hợp nhiều phương pháp dạy và học đa dạng: phương pháp quan sát, phương pháp trải nghiệm thực tế, phương pháp dự án, phương pháp nghiên cứu tình huống, phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp thuyết trình, phương pháp tra cứu, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp diễn giảng, đàm thoại gợi mở, minh họa thực hành, trò chơi, tự học độc lập, ...

6. Phương pháp đánh giá

- Phương pháp đánh giá lựa chọn phù hợp với nội dung học phần và phù hợp với phương pháp dạy và học đồng thời đảm bảo đo được chuẩn đầu ra mà chương trình đào tạo mong muốn người học đạt được. Có hai hình thức đánh giá người học được giảng viên sử dụng phổ biến trong quá trình đào tạo là đánh giá thường xuyên (đánh giá liên tục trong suốt quá trình đào tạo) và đánh giá định kỳ chia làm hai lần: đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm, tự luận, bài kiểm tra ngắn, câu trả lời ngắn, ý kiến thảo luận, sản phẩm của nhóm, bài thuyết trình, hình vẽ, sơ đồ, bài viết, nhật ký học tập, kiểm tra thực hành, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, vấn đáp, báo cáo, khóa luận tốt nghiệp, ...
- Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

Cần Thơ, ngày 30 tháng 11 năm 2019

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA**



Nguyễn Văn Nở

TRƯỞNG BỘ MÔN



Lê Văn Nhung